

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên  
địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được  
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;*

*Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số  
09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số  
16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số  
33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số  
60/2024/QH15; Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số  
94/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính  
phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính  
phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà  
nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của  
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi  
hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính  
phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong  
lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của  
Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số  
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết  
định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra của Ban ..., Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 và khoản 7 Điều 3, Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT- BTC của Bộ Tài chính ban hành Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng nộp lệ phí: Người nộp lệ phí là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch không bao gồm việc cấp bản sao trích lục hộ tịch.

b) Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng miễn lệ phí**

1. Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

2. Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký kết hôn.

3. Các trường hợp đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con tại khu vực biên giới theo quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

## **Điều 3. Nội dung và mức thu lệ phí**

1. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước:

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu</b>	<b>Mức thu lệ phí trực tiếp (đồng/trường hợp)</b>
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	6.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử	6.000
3	Đăng ký lại kết hôn	20.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	12.000
5	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	10.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	12.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	6.000

2. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài:

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu</b>	<b>Mức thu lệ phí trực tiếp (đồng/trường hợp)</b>
1	Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	60.000
2	Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử	60.000
3	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn	1.200.000
4	Đăng ký giám hộ, đăng ký chấm dứt giám hộ	60.000
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	35.000
7	Ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đăng ký hộ tịch khác	60.000

3. Mức thu lệ phí hộ tịch khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu lệ phí hộ tịch khi nộp hồ sơ trực tiếp (quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này).

#### **Điều 4. Chế độ và phương thức thu, nộp lệ phí**

1. Chế độ thu, nộp lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Phương thức thu, nộp lệ phí: Thanh toán trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch; thanh toán trực tuyến theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thanh toán thông qua dịch vụ bưu chính có bảo đảm.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ một phần các Nghị quyết sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “lệ phí hộ tịch” tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 43 và 44 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ- HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp.... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2026./.*

***Nơi nhận:***

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh,
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục KTVB & Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh,
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo & Phát thanh, truyền hình tỉnh TQ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT & Công báo tỉnh TQ (đăng tải);
- Cơ sở Dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**